

Số: 818 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Khu dân cư Bắc Lý - Hương Lâm (giai đoạn 1), huyện Hiệp Hòa”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 468/TTr-TNMT ngày 05/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu dân cư Bắc Lý - Hương Lâm (giai đoạn 1), huyện Hiệp Hòa” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hiệp Hòa (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND huyện Hiệp Hòa; UBND xã Bắc Lý; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hiệp Hòa và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DÂN CƯ BẮC LÝ - HƯƠNG LÂM (GIAI ĐOẠN 1), HUYỆN HIỆP HÒA**
(Kèm theo Quyết định số 818 /QĐ-UBND ngày 09 /8/2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư Bắc Lý - Hương Lâm (giai đoạn 1), huyện Hiệp Hòa.

- Địa điểm thực hiện: Xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hiệp Hòa

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án thuộc địa phận thôn Lý Viên và thôn Trung Tâm xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trên khu đất có diện tích khoảng 8,4 ha với quy mô dân số khoảng 900 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: san nền, hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, trạm xử lý nước thải, cấp điện, thông tin liên lạc,...

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa khoảng 7,63ha (diện tích khoảng 7,63ha là diện tích theo kết quả khảo sát, đo đạc thực tế; theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND tỉnh ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng phòng hộ, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2022 thì diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của dự án là 8,0ha).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư: Dự án chiếm dụng khoảng 83.885 m² đất, trong đó đất trồng lúa nước 76.249,7 m²; đất dân cư, chia lô: 1.370 m², đất mặt nước 1.851 m², đất giao thông: 4.414,3m².

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do bom mìn tồn lưu trong đất;

+ Tác động do hoạt động phát quang thực vật.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Từ hoạt động san nền;

++ Từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và đất đắp nền

++ Từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công trên công trường; từ hoạt động tập kết nguyên vật liệu;

++ Từ quá trình hàn;

++ Từ quá trình trải bê tông nhựa nóng.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ thi công, nước thải từ hoạt động phụt rửa bánh xe và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động đào, bóc hữu cơ; từ hoạt động phát quang thảm thực vật và chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các hộ dân, khu công cộng.

+ Phát sinh nước thải, rác thải, bụi, khí thải nhà bếp từ các hoạt động sống sinh hoạt hàng ngày;

+ Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông trên các tuyến đường nội bộ dự án.

+ Chất thải nguy hại gồm bóng đèn huỳnh quang thải, linh kiện điện tử hỏng; dầu thải,...

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Phát sinh chất thải nguy hại từ quá trình bảo dưỡng trạm biến áp,...;

+ Nguy cơ chập cháy hệ thống điện; nguy cơ tai nạn giao thông,...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, dầu, mỡ,... vào nguồn tiếp nhận.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 04 m³/ngày, thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Coliforms...

+ Nước thải thi công, xây dựng bao gồm nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ thi công, nước thải từ hoạt động phụt rửa bánh xe phát sinh khoảng 03 m³/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

+ Nước mưa chảy tràn trên mặt bằng kéo theo bụi, đất cát từ sân bãi, đường đi,... làm ô nhiễm môi trường nước mặt.. Thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, TSS...

- Bụi, khí thải

+ Bụi phát sinh từ hoạt động san nền; từ hoạt động thi công các hạng mục công trình; từ hoạt động tập kết nguyên vật liệu; từ hoạt động thổi bụi làm sạch mặt đường trước khi rải nhựa tuyến đường nội bộ. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công xây dựng có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO₂, bụi,...

+ Khí thải từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

+ Khí thải từ quá trình trải bê tông nhựa nóng có thông số ô nhiễm đặc trưng là hơi hữu cơ VOC...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực ăn uống của công nhân thi công xây dựng khoảng 16,8 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng: Chất thải rắn từ quá trình phát quang thực vật phát sinh khoảng 38,12 tấn. Tuy nhiên, lượng chất thải này được người dân thu gom làm thức ăn chăn nuôi, phân bón,... Thành phần chủ yếu là gốc rạ, lúa, hoa màu,...

- Đất đào, bóc hữu cơ phát sinh khoảng 30.840,8 m³.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng phát sinh khoảng 6,7 tấn tương đương với 18 kg/ngày bao gồm bao bì giấy, nylon, một lượng nhỏ sắt, thép phế liệu, gạch vỡ, vữa thừa....

- Chất thải nguy hại như giẻ lau dính dầu, dầu mẩu que hàn thải,...phát sinh khoảng 46 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị xây dựng, thi công các hạng mục công trình dự án, vận chuyển nguyên vật liệu. Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động lên kinh tế xã hội khu vực, tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động do rà phá bom mìn; tác động đến khu dân cư lân cận; ...

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố do thiên tai,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải

+ Tổng lượng nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sinh sống trong khu vực dự án, từ công trình cộng cộng dịch vụ trong khu vực dự án và từ các các hộ dân

hiện trạng sinh sống giáp khu vực dự án gồm các hộ dân sinh sống gần đường Tỉnh lộ 295 và các hộ dân giáp phía Bắc khu vực dự án (bao gồm khoảng 45 hộ dân giáp Tỉnh lộ 295 và 18 hộ dân tại thôn Lý Viên) phát sinh khoảng 219 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, Amoni, tổng Coliforms...

+ Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn cuốn theo các chất ô nhiễm vào nguồn tiếp nhận.

- Bụi, khí thải:

+ Khí thải từ phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂...;

+ Khí thải từ hoạt động đun nấu trong khu dân cư có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO₂, NO, THC...

+ Mùi hôi phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Khí thải từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 450 kg/ngày. Bùn thải từ các bể tự hoại của các công trình phát sinh khoảng 36 m³/năm. Bùn thải từ trạm xử lý nước thải phát sinh khoảng 38,4 kg/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Chất thải từ quá trình chặt cây, cành cây vào mùa mưa bão phát sinh khoảng 10m³/năm (sau 5 năm trồng cây mới phải cắt tỉa cành vào mùa mưa bão);

+ Bùn, cặn phát sinh từ quá trình nạo vét hố ga, rãnh thoát nước mưa, nước thải phát sinh khoảng 1,5 m³/6 tháng.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu dân cư như dầu thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin hỏng, linh kiện điện tử hỏng,... phát sinh tối đa khoảng 1.899,5 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông..

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế xã hội khu vực; an ninh trật tự,...

- Tác động do sự cố như: Sự cố cháy nổ; sự cố bão lụt, ngập úng; sự cố trạm xử lý nước thải,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 04 nhà vệ sinh di động có dung tích bồn chứa chất thải 2.500 lít/bể để công nhân sử dụng. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa mang đi xử lý theo quy định (tần

suất 02 lần/tuần hoặc khi bể chứa đầy). Khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng, tháo dỡ thu hồi lại nhà vệ sinh di động.

- Nước thải thi công xây dựng

+ Đối với nước thải phát sinh từ hoạt động phụt rửa bánh xe trước khi ra khỏi công trường: Xây dựng rãnh thoát nước có hố ga lắng cặn với dung tích 02m³ để thu gom, lắng cặn nước thải phát sinh từ hoạt động phụt rửa bánh xe. Nước thải sau đó được tận dụng tái sử dụng để tưới đường giảm bụi.

+ Đối với nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh dụng cụ thi công: Bố trí 03 thùng chứa kích thước khoảng 150lít đến 200 lít chứa nước phục vụ vệ sinh dụng cụ thi công sau đó tận dụng tái sử dụng để tưới đường giảm bụi.

- Nước mưa chảy tràn

+ Xây dựng các rãnh, hố thu nước mưa trên mặt bằng san lấp để lắng cặn sau đó được dẫn ra mương thoát nước chung: Rãnh thoát nước có kích thước rộng miệng 01m, rộng đáy 0,7m, sâu 0,7m, hố lắng có kích thước 2mx1mx1m, cứ 30m đến 50m bố trí 01 hố lắng.

+ Tiến hành thu nước mưa mặt bằng dự án xuống hố ga rồi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Thực hiện nạo vét hố ga 01 lần/tuần vào mùa mưa, 01 tháng/lần vào mùa khô và thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Không sử dụng các phương tiện chuyên chở đất quá cũ và không chở nguyên vật liệu quá đầy, quá tải và phải có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển để tránh rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển.

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc thiết bị, luôn để các máy móc thiết bị hoạt động trong trạng thái tốt nhất để hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng có hại.

- Tiến hành rào tôn cao 03m tại khu vực thi công giáp với các khu dân cư hiện trạng.

- Bố trí cầu rửa xe tại vị trí công trường xây dựng, đảm bảo xe chở nguyên vật liệu, đất đá thải ra khỏi công trình phải được rửa sạch bánh, thân xe, bao che đầy đủ mới được lưu hành trên đường.

- Trang bị khẩu trang, găng tay, kính mắt,...cho những người làm việc tại các khu vực có khả năng phát sinh ô nhiễm không khí.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Các phương tiện phải đảm bảo đủ các điều kiện lưu hành, trong thời hạn cho phép theo quy định.

- Trang bị đồ bảo hộ trong khi hàn cho công nhân: Mũ hàn, tấm kính lọc, kính đeo mắt; găng tay da dài; quần áo bảo hộ chất liệu khó bắt lửa như Coton, vải bò hoặc da.

- Đối với bụi phát sinh từ hoạt động thổi bụi mặt đường trước khi trải nhựa:

+ Tiến hành quét dọn bề mặt đường, thu dọn bùn đất rơi vãi. Quá trình quét dọn mặt đường tiến hành liên tục để hạn chế bụi phát tán khi đưa máy thổi bụi vào hoạt động.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện công tác thổi bụi và làm việc trong khu vực này như: Kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ....

+ Thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong thi công như: Tưới ẩm nhiều lần cho tầng móng liên tục trong vài ngày trước khi rải nhựa; khi thi công qua khu vực gần khu đông dân cư cần hạn chế việc thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ, từ từ; tiến hành phun nước khoan vùng để hạn chế bụi khuếch tán rộng.

- Đối với khí thải phát sinh từ hoạt động trải bê tông nhựa nóng

+ Sử dụng công nghệ trải thảm bê tông nhựa nóng được cơ quan chuyên ngành thẩm định và phê duyệt.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: Khẩu trang phòng độc, kính phòng hộ bảo vệ mắt, găng tay, mũ, quần áo bảo hộ.

+ Ưu tiên thi công vào buổi tối, tránh thi công trải nhựa đường vào các giờ cao điểm nhằm giảm ảnh hưởng mùi, nhiệt trong quá trình thi công đến công nhân tham gia thi công tại khu vực dự án và người dân trong xung quanh khu vực dự án.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt: Sử dụng 04 thùng rác chuyên dụng, có nắp đậy, dung tích 200 lít/thùng đặt tại vị trí lán trại, khu văn phòng điều hành để thu gom chất thải. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý lượng chất thải theo quy định (tần suất 03 ngày/lần).

* Chất thải rắn thi công, xây dựng

+ Đối với chất thải phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật: Trước khi thi công 02 tháng, Chủ dự án thông báo kế hoạch thi công đến từng địa phương nơi có các hộ dân có đất nằm trong dự án để người dân có kế hoạch gieo trồng và thu hoạch nông sản phù hợp, tránh gây lãng phí. Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau. Đối với khối lượng thực bì dọn dẹp người dân không sử dụng được vào các mục đích nào cần thải bỏ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Tận dụng 100% đất đào để san lấp, trồng cây trong phạm vi dự án.

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ hoạt động xây dựng: Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn

+ Đối với các loại chất thải có thể tận dụng như sắt thép, gỗ, các mẫu sắt

thép thừa... được thu gom sau đó bán cho đơn vị có chức năng;

+ Đất thừa được tận dụng để san lấp mặt bằng trong khu vực dự án; phần chất thải không tận dụng (gạch vỡ, vữa thừa...) được thu gom vào khu vực chứa tạm thời, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 04 thùng có nắp đậy, có dung tích từ 120lít đến 200 lít/thùng để thu gom, lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại. Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại sẽ dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại theo quy định để tại khu lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 10m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 06 tháng/lần).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực xây dựng.

- Không sử dụng các thiết bị xây dựng, phương tiện giao thông cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao, thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

- Hạn chế vận hành máy móc gây tiếng ồn lớn như búa máy, máy đào, máy khoan... vào ban đêm (từ 22 giờ đến 5 giờ 30 phút sáng hôm sau) và buổi trưa (11 giờ 30 đến 13 giờ 00) để tránh tác động đến sinh hoạt của các hộ dân trên dọc các tuyến giao thông và các khu dân cư xung quanh.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Công tác khảo sát, rà phá bom mìn được thực hiện trước giai đoạn san lấp tạo mặt bằng và được thực hiện bởi các đơn vị có chức năng theo quy định.

- Đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động theo quy định hiện hành.

- Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động tham gia thi công xây dựng theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình; tổ chức thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ; kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Xây dựng và phổ biến nội quy về an toàn và bảo hộ lao động cho tất cả công nhân làm việc tại công trường. Trang bị đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân như mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang, kính mắt,... Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

- Đặt các biển cảnh báo tại các khu vực có khả năng xảy ra tai nạn trong quá trình thi công. Hạn chế phương tiện vận tải tham gia giao thông vào những

giờ cao điểm. Hạn chế hoặc không vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm vào giờ cao điểm.

- Bố trí các biển báo tại các ngã ba giao với khu vực thi công. Khu vực thi công vào ban đêm sẽ có hệ thống đèn đủ sáng để đảm bảo an toàn.

- Trang bị một số dụng cụ phòng chữa cháy tại vị trí thuận tiện (khu nhà điều hành, kho chứa,...).

- Bố trí khu vực chứa nhiên, vật liệu dễ cháy nổ tách biệt với khu vực sinh hoạt của công nhân.

- Thực hiện san nền theo đúng quy hoạch, đúng độ dốc, hướng dốc thiết kế.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét các mương thoát nước tạm xung quanh khu vực dự án để hạn chế sự tắc nghẽn.

- Bố trí các máy bơm dự phòng để chống ngập tạm thời trong quá trình san lấp mặt bằng trong trường hợp chưa thi công xong các tuyến cống thoát nước.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt

- Xây dựng mạng lưới thu gom vận chuyển nước thải tách riêng với mạng lưới thoát nước mưa.

- Nước thải nhà bếp từ các hộ dân và nước tắm giặt, rửa chân tay sẽ được xử lý sơ bộ qua hệ thống song chắn rác và được đầu nối vào hệ thống rãnh thoát nước thải chảy về trạm xử lý nước thải của dự án.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của các hộ dân và các công trình công cộng,...sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được xây dựng bên trong các công trình được thu gom bằng đường ống thoát nước thải HDPE gân xoắn 02 lớp D400 để thu vào trạm xử lý nước thải có công suất 250 m³/ngày.đêm được đặt ở phía Tây Nam của dự án.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của các hộ dân sinh sống trong khu vực dự án, từ công trình công cộng dịch vụ trong khu vực dự án và từ các các hộ dân hiện trạng sinh sống giáp khu vực dự án gồm các hộ dân sinh sống gần Tỉnh lộ 295 và các hộ dân giáp phía Bắc khu vực dự án (bao gồm khoảng 45 hộ dân giáp Tỉnh lộ 295 và 18 hộ dân tại thôn Lý Viên) sau khi được xử lý qua bể tự hoại được xây dựng bên trong các công trình được thu gom vào hệ thống rãnh kín B400 sau đó được gom bằng đường ống thoát nước thải HDPE gân xoắn 02 lớp D400 để thu vào trạm xử lý nước thải có công suất 250 m³/ngày.đêm được đặt ở phía Tây Nam của dự án để xử lý, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi thải ra kênh tưới 1A phía Tây Nam khu vực dự án.

* Nước mưa chảy tràn:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế cho khu vực dự án là hệ thống

riêng hoàn toàn giữa thoát nước mưa và thoát nước thải. Nước mưa sau khi thu gom được thoát vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.

- Nước mưa được thu trên các tuyến cống D400-D800.

- Nước mưa trong các lô đất, trên đường được thu về các hố thu có song chắn rác nằm ngang, rồi về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa.

- Các hố thu nước mưa được thiết kế là hố thu hàm ếch. Các hố ga và hố thu trên vỉa hè có kết cấu tường xây gạch không nung, đập đan bê tông. Các hố ga dưới lòng đường được đổ bê tông cốt thép và đập đan chịu lực đảm bảo theo tính toán tải trọng lòng đường.

- Hệ thống thoát nước mưa được khớp nối với khu dân cư của các khu vực xung quanh đảm bảo đúng theo quy hoạch cũng như đảm bảo khả năng thoát nước toàn bộ khu dân cư.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường và trong khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng hấp thụ giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án. Hệ thống cây xanh trong khu vực dự án được quy hoạch và trồng mới theo đúng trong dự án đã được phê duyệt.

- Định kỳ 06 tháng/lần: Nạo vét, thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải từ các cống rãnh, các khu vực công cộng, để giảm thiểu khả năng ô nhiễm từ quá trình phân huỷ hữu cơ làm phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường chung.

- Mùi hôi từ trạm xử lý nước thải tập trung:

- + Đảm bảo diện tích cây xanh theo đúng quy hoạch của dự án;

- + Hạn chế tối đa các nguồn gây ô nhiễm mùi như bùn thải, rác thu hồi từ hệ thống song chắn rác bằng các thiết bị chứa có nắp đập và định kỳ vận chuyển đến nơi xử lý, tiêu huỷ hạn chế tối đa phát sinh mùi hôi thối.

- + Tiến hành vận chuyển bùn thải bằng xe chứa có thùng kín để vận chuyển đến nơi xử lý.

- + Bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng trạm xử lý nước thải với chiều rộng $\geq 10m$. Tăng cường trồng và chăm sóc cây xanh xung quanh khu vực trạm xử lý.

- + Bố trí vị trí xây dựng trạm xử lý nước thải đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD (tối thiểu 100m).

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Các hộ gia đình tự bố trí thùng rác ngay nơi phát sinh (nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh) để thu gom rác thải. Trên các trục đường đặt khoảng 20 thùng rác công cộng có dung tích khoảng 240 lít/thùng để

người dân thuận tiện bỏ rác. Toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt của khu dân cư được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, mang đi xử lý hàng ngày.

- Bùn từ bể phốt của các hộ gia đình: Các hộ gia đình có trách nhiệm thuê đơn vị chức năng hút cặn, thu gom, xử lý bùn cặn từ bể tự hoại trong công trình của mình với tần suất khuyến khích 1 lần/năm.

- Đối với bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung: Đơn vị được bàn giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút mang đi xử lý theo quy định (tần suất 1 năm/lần).

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình duy tu bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án: Các loại chất thải rắn phát sinh như bùn đất, cây cối: Đơn vị được bàn giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (đối với bùn nạo vét: định kỳ 06 tháng/lần; đối với cây cối: vận chuyển khi phát sinh).

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với dầu thải từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu trạm biến áp: Đơn vị quản lý vận hành thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý ngay thời điểm thay dầu cho máy. Lượng dầu này không lưu tại dự án.

- Đối với chất thải nguy hại (CTNH) tại hộ gia đình: Các hộ gia đình có trách nhiệm tự thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý chất thải nguy hại phát sinh.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trồng cây xanh xung quanh dự án. Cây xanh được trồng xung quanh dự án có tác dụng hấp thu tiếng ồn, chặn sự di chuyển của chất ô nhiễm từ đường giao thông bên cạnh tới dự án, đồng thời tạo cảnh quan, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng tại tất cả các khu nhà. Các trụ nước chữa cháy phải được bố trí dọc theo các đường giao thông nội bộ với khoảng cách giữa các trụ khoảng từ 100m đến 200 m.

- Tiến hành kiểm tra và sửa chữa định kỳ các hệ thống có thể gây cháy nổ.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống công rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

- Tuân thủ nghiêm túc quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải. Đảm bảo duy trì lượng bùn vi sinh có trong bể thiếu khí, hiếu khí. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải để chất lượng nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng (chủ dự án thực hiện)

- * Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang xây dựng hạ tầng kỹ thuật

- Thông số giám sát: Bụi toàn phần (TSP), NO₂, SO₂, CO, tiếng ồn, độ rung...

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

5.2. Giai đoạn vận hành (đơn vị tiếp quản vận hành dự án thực hiện)

* Nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả thải của trạm xử lý nước thải tập trung ra môi trường.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Nitrat (NO₃⁻)(tính theo N), Amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải, nước thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 468/TTr-TNMT ngày 05/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./.